

Bản án số: 09/2018/HNGĐ – ST
Ngày 05 – 02 – 2018
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 458/2017/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2017/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2018/QĐST – HNGĐ ngày 15/01/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Bé N, sinh năm 1995. Địa chỉ cư trú: khóm Trung H, phường Mỹ T, thành phố L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: khóm Trung H, phường Mỹ T, thành phố L, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2017 và bản tự khai cùng ngày 23/8/2017, ngày 24/8/2017, tại biên bản không tiến hành hòa giải được và tại đơn xác định lại yêu cầu khởi kiện ngày 12/01/2018, nguyên đơn bà Đặng Thị Bé N trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hữu T tự tìm hiểu, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 9/2010, tuy nhiên đến nay ông bà không có tiến

hành đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, ông T không quan tâm đến vợ con, kinh tế gia đình, hay uống rượu và bài bạc. Bà nhiều lần góp ý để chồng thay đổi nhưng không cải thiện được tình hình mà làm cho quan hệ vợ chồng ngày càng trở nên căng thẳng, trầm trọng, dẫn đến bà và ông T nhiều lần xô xát lẫn nhau. Nhận thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông T có 02 (Hai) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 22/11/2011 và Đặng Thiện Đ sinh ngày 14/12/2014. Cháu N và cháu Đ hiện nay được bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do không có sự thừa nhận của ông T về cháu Đ là con chung nên bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với cháu Đặng Thiện Đ. Bà chỉ yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc N và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Đặng Hữu T là bị đơn trong vụ án không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con của bà N và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:

Bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 16/01/2018 lý do bà phải đi làm ăn ở xa. Ông T vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 12/7/2017, ông T vắng mặt lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông T phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không công nhận bà N và ông T là vợ chồng, xem xét chấp nhận yêu cầu nuôi con là cháu Nguyễn Thị Ngọc N và buộc ông T cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Do bà N có đơn rút yêu cầu Tòa án xem xét đối với cháu Đặng Thiện Đ nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Nguyên đơn trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và xác định không có nợ chung. Do bị đơn không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/01/2018. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Tranh chấp giữa bà Đặng Thị Bé N và ông Nguyễn Hữu T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[3] Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và đã tiến hành thu thập chứng cứ là xác định tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an phường Mỹ T cung cấp thông tin: “Ông Nguyễn Hữu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm Trung H, phường Mỹ T, thành phố L, tỉnh An Giang. Ông T hiện vẫn còn sinh sống tại địa chỉ trên”. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hữu T.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Ngoài lời khai của bà N ra, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ là lập biên bản xác minh và được Ủy ban nhân dân phường Mỹ T xác nhận hiện nay bà N và ông T chưa tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ T. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Ngọc và ông Thiện đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về mâu thuẫn trong hôn nhân mà áp dụng điểm b khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông Tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp, tuyên bố không công nhận bà Đặng Thị Bé N và ông Nguyễn Hữu T là vợ chồng.

[5] Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Ngọc N, bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Ngọc N được Ủy ban nhân dân phường Mỹ T cấp giấy khai sinh số 32/2013 ngày 21/01/2013, quyền số 01/2013. Tại giấy khai sinh của cháu N có ghi nhận họ tên cha là Nguyễn Hữu T và họ tên mẹ là Đặng Thị Bé N. Như vậy, đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bà N và ông T có con chung là Nguyễn Thị Ngọc N. Xét thấy, cháu N đã sống ổn định với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi dưỡng cháu N của bà N.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Do người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng phải đảm bảo được nhu cầu thiết yếu của con chung nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà N về việc yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 650.0000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng).

[7] Theo Đơn ngày 12/01/2018, bà N xác định rút lại yêu cầu về việc yêu cầu nuôi dưỡng cháu Đặng Thiện Đ sinh ngày 14/12/2014 nên Hội đồng xét xử không xem xét. Khi nào các bên có phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[8] Về tài sản chung và nợ chung: Do ông T không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[9] **Về án phí:** Bà N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà N đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018508 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14, Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 83, Điều 116, Điều 117 và 118 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Hữu T.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Bé N.

Đinh chỉ yêu cầu của bà Ngọc về việc yêu cầu nuôi con là cháu Đặng Thiện Đ sinh ngày 14/12/2014.

- **Về quan hệ hôn nhân:** Tuyên bố bà Đặng Thị Bé N và ông Nguyễn Hữu T không phải là vợ chồng.

- **Về con chung:** Bà N và ông T có 01 (Một) con chung tên Nguyễn Thị Ngọc N sinh ngày 22/11/2011. Bà N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Ông T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 650.000 đồng (Sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng). Việc cấp dưỡng được thực hiện từ khi án có hiệu lực đến khi con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Bà N và các thành viên trong gia đình phải tạo điều kiện cho ông T thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét.

Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do bà N đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018508 ngày 24/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Bà N, ông T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPL;
- THADS TPL;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Phạm Xuân Khanh

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS TPLX;
- Lưu: hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Phạm Xuân Khanh

Trần Phạm Xuân Khanh

